

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 167

# MA HA CHỈ QUÁN

SỐ 1911  
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 1911

## MA-HA CHỈ QUÁN

*Đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai đời Tùy giảng.*

*Đệ tử là Quán Đảnh ghi chép.*

### QUYỂN 1

(Phần Đầu)

“Chỉ Quán minh tĩnh” đời trước chưa từng nghe. Vào ngày hai mươi sáu tháng bốn niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tư đời Tùy, ngài Trí Giả trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, một mùa hạ phu dương (giảng) hai thời. Tuy nhạo thuyết không cùng mới đến thấy cảnh chuyển pháp luân ngừng chuyển nên phần sau không giảng. Nhưng ấp dòng tìm nguồn, nghe hương tìm gốc. Luận nói rằng: Ta tu hành không có thầy chỉ dạy. Kinh chép: Thọ ký viết ở Định Quang. Sách nói: Sinh ra đã biết là bậc thượng, học mới biết là bậc kế là lượng. Pháp môn rộng lớn mầu nhiệm, là thiên chân độc lãng, là từ lam đến xanh. Người tu hành nếu nghe phó pháp tạng thì biết được nguồn gốc tổ tông (tông nguyên). Đức Đại giác Thế Tôn nhiều kiếp hạnh mãn, sáu năm khổ hạnh, chỉ một ngón tay mà hàng phục được ma vương. Ban đầu ở vườn Nai, chặng giữa ở núi Linh Thứu, cuối cùng ở Hạc lâm (Sa-La), phó pháp cho ngài Đại Ca-diếp, sau Đại Ca-diếp phân chia xá-lợi cho tám nước rồi kết tập Tam tạng và truyền lại cho ngài A-nan. A-nan nhập Tam-muội Niết-bàn giữa dòng sông, trao truyền lại cho ngài Thương-na-hòa-tu. Thương-na-hòa-tu nhập chánh định dùng tay chỉ lên hư không thì như có dòng cam lồ chảy xuống, hóa hiện năm trăm pháp môn để hàng phục năm trăm đệ tử của Ưu-ba-cúc-đa, về sau phó pháp cho Ưu-ba-cúc-đa. Ưu-ba-cúc-đa khi còn ở thế tục đã chứng quả thứ ba, sau khi thọ giới đắc quả thứ tư

và trao truyền lại cho ngài Đề-ca-đa. Đề-ca-đa dâng đàn chứng đắc Sơ quả, ba phen yết-ma chứng đắc Tứ quả, sau phó pháp lại cho ngài Di-già-ca. Di-già-ca phó pháp cho ngài Phật-đà-nan-đề. Phật-đà-nan-đề phó pháp cho ngài Phật-đà-mật-đa, Phật-đà-mật-đa trao truyền pháp ba quy y cho vua và hàng phục được Toán giả. Về sau phó pháp cho ngài Hiếp Tỳ-kheo. Hiếp Tỳ-kheo khi mới sinh râu tóc đều bạc, tay phát ra ánh sáng vàng chói cầm quyển kinh, về sau phó pháp cho ngài Phú-na-xa. Phú-na-xa nhận thấy Mã Minh là người luận biện tài giỏi nên cạo tóc nhận làm đệ tử. Mã Minh ngoài tài hùng biện còn giỏi đánh đàn, Ngài có âm thanh tuyệt diệu, giảng nói pháp vô thường, khổ, không, người nghe dễ ngộ đạo, về sau phó pháp lại cho ngài Tỳ-la. Tỳ-la soạn luận Vô ngã, luận hướng về sự tiêu diệt tà kiến, về sau phó pháp cho ngài Long Thọ. Thọ sinh ra sinh thân, long trở thành Pháp thân, sau phó pháp cho ngài Đề-bà. Đề-bà thấy mắt của một vị thần thờ ở miếu, bị hủng sâu nên mù mắt mình cúng thí, về sau phó pháp lại cho ngài La-hầu-la. La-hầu-la biết tên Quỷ Viết hàng phục được ngoại đạo, về sau phó pháp cho ngài Tăng-khư-nan-đề. Nan-đề nói kệ và thử vị La-hán, về sau phó pháp cho ngài Tăng-khư-da-xa. Tăng-khư-da-xa dạo chơi trên biển thấy ngôi thành mà nói kệ, về sau phó pháp cho ngài Cưu-ma-la-đà, vị này có tài cỡi ngựa và ghi nhớ màu sắc của ngựa, về sau phó pháp cho ngài Xà-dạ-na. Xà-dạ-na vì người phạm tội nặng làm hầm lửa, khuyên họ xuống đó sám hối, thì tội tiêu và hầm lửa biến thành ao sen, về sau phó pháp cho ngài Bàn Đà. Bàn Đà phó pháp ngài Ma-noa-la. Ma-noa-la chia sông Hằng làm hai phần, tự giáo hóa một phần, về sau phó pháp cho ngài Hạc-lặc-dạ-na. Hạc-lặc-dạ-na phó pháp lại cho ngài Sư Tử. Sư Tử bị vua Đàn-di-la vung kiếm chém vào cổ, máu chảy như sữa. Những vị được phó pháp truyền thừa bắt đầu từ ngài Ca-diếp cuối cùng là ngài Sư Tử là hai mươi ba vị. Ngài Mạt-điền-địa cùng ngài Thương-na đồng thời được chọn là vị thứ hai mươi bốn, các vị đều từ miệng vàng thọ ký cho nhau, đều là các bậc Thánh có khả năng đem lại nhiều lợi ích cho chúng sinh. Ngày xưa vua không lập chuồng ngựa ở chùa, chỉ lập chuồng ngựa ở những nơi có mỏ xẻ, hướng chi ở đời gặp được bậc Thánh là điều tốt, đâu không lợi ích ư!

Lại nữa, Bà-la-môn bán sọ đầu người chết, buôn bán lời hoặc được phân nửa, hoặc không được. Người được lời thì xây tháp lễ bái cúng dường, được sinh lên cõi trời. Công đức nghe pháp quan trọng như thế, Đức Phật vì lợi ích này mà truyền trao Pháp nhãn tạng. Bộ Chỉ Quán này ngài Thiên Thai Trí Giả thuyết pháp môn mà tự mình đã

thực hành trong . Khi ngài Trí Giả mới sinh ra thì trong nhà sáng rực mắt có hai đồng tử (con người). Sau ngài thực hành Pháp Hoa kinh Sám phát Đà-la-ni, thay Pháp sư Thọ giảng Kim tự chữ vàng Bát-nhã . Đời Trần và Tùy hai nước đều tôn ngài làm thầy, cuối đời ngài ngồi thiền an nhiên thị tịch. Giai vị ngài ở Ngũ phẩm, Kinh nói: “Bồ thí bốn trăm muôn ức na-do-tha người trong nước, mỗi người đều đầy đủ bảy báu, lại giáo hóa khiến đắc sáu thần thông, không bằng khiến cho người mới phát tâm tùy hỷ gấp trăm ngàn muôn lần”: Hướng chi ngũ phẩm ư? Văn chép: Tức sử giả của Như Lai, người được Như Lai sai đến làm việc của Như Lai. Đại kinh chép: Là Bồ-tát Sơ y. Ngài Trí Giả là học trò ngài Nam Nhạc, ngài Nam Nhạc đức hạnh không thể nghĩ bàn, mười năm chuyên tụng kinh, bảy năm Phương Đẳng, chín tuần thường ngồi, nhất thời lúc viên chứng, thông suốt các pháp môn Tiểu thừa, Đại thừa. Ngài Nam Nhạc là học trò của Thiền sư Tuệ Văn. Ngài Tuệ Văn họ Cao, người Bắc Tề, Ngài thường đi bộ một mình ở bờ sông Hoài, các pháp môn mà Ngài thông hiểu người đời chẳng biết được, chân đạp đất, đầu đội trời, chẳng ai biết cao sâu. Ngài dụng tâm nương Thích luận. Luận là do ngài Long Thọ giảng nói, trong phó pháp Tạng ngài là vị Tổ thứ mười ba. Bộ Quán Tâm luận của ngài Trí Giả có câu: “Quy mạng Long Thọ sư”, thì nghiệm biết Long Thọ là bậc cao tổ.

Có người nghi rằng: Những điều mà Trung luận loại bỏ thì Chỉ Quán kiến lập, làm sao đồng được? Song ở Thiên Trúc các nhà chú giải luận gồm bảy mươi nhà, không lẽ là Thanh mục mà chẳng phải các sư ư? Lại nữa, Luận chép: Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi nghĩa Trung đạo...

Ngài Thiên Thai được Nam Nhạc truyền cho ba thứ Chỉ Quán: 1. Tiệm thứ; 2. Bất định; 3. Viên đốn. Đều thuộc Đại thừa, đều duyên với Thật tướng, đồng gọi là Chỉ Quán. Tiệm thì đầu cạn sau sâu, giống như bậc thềm. Bất định thì trước sau xen nhau, như đặt viên Kim cương giữa ánh nắng mặt trời. Viên đốn thì trước sau bất nhị, như người có thần thông bay lên hư không. Vì ba căn tánh của chúng sinh mà nói ba pháp môn, dẫn ba thí dụ, đây là phần nói lược đã xong. Lại đến phần nói rộng: tiệm thì ban đầu cũng biết thật tướng, thật tướng khó hiểu, tiệm thứ thì dễ thực hành thứ nhất: trước tu tập trở về giới, bỏ tà hưởng về chánh, dừng hỏa huyết đao, đạt đến ba đường lành. Thứ hai: Kế tu thiền định. Dừng ham muốn tán loạn, đạt đạo định sắc, vô sắc, Thứ hai: Tu vô lậu, ngăn cấm (chỉ) ngục ba cõi, đạt đạo Niết-bàn, Thứ tư: Tu Từ bi. Dừng ở nơi tự chứng, đạt đạo Bồ-đề, Thứ năm: Sau tu Thật tướng. Dừng

(chỉ) thiên về hai bên, đạt đạo thường trú. Đây gọi là đầu cạn sau sâu, tướng Chỉ Quán tiệm thứ .

Bất định: Không phân biệt giai vị, căn cứ trước tiệm sau đốn, luân phiên trước sau, cạn sâu xen nhau . Hoặc sự hoặc lý, hoặc chỉ thế giới là Đệ nhất nghĩa, hoặc chỉ cho Đệ nhất nghĩa là vị nhân đối trị; hoặc dứt quán là chỉ, hoặc chiếu chỉ là quán, cho nên gọi bất định Chỉ Quán.

Có người nghi rằng: Giáo cảnh tên đồng, tướng đốn có khác, nhưng đồng mà không đồng, không đồng mà đồng. Trong tiệm thứ có sáu, thiện ác mỗi thứ có ba. Trong vô lậu gồm có ba, tất cả có mười hai thứ khác nhau, lấy số nhiều mà nói nên gọi là Bất định. Chương này đồng với Đại thừa, đồng với thật tướng, đồng gọi là Chỉ Quán, vì sao gọi là sai biệt. Nhưng đồng mà không đồng, không đồng mà đồng, trong tiệm thứ có chín thứ khác nhau, trong bất định có bốn thứ khác nhau, tổng cộng có mười ba thứ khác nhau, theo số nhiều mà nói cho nên gọi là bất đồng, tất cả các bậc Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt, tức là nghĩa đó.

Viên đốn: Ban đầu duyên thật tướng tạo cảnh tức Trung, đều là chân thật, hệ duyên pháp giới, một niệm pháp giới, một sắc một hương đều là Trung đạo, cội của chính mình và cội Phật, cội chúng sinh cũng như vậy, ấm nhập đều như, không có khổ để xả, vô minh trần lao tức là Bồ-đề, không có tập để dứt; biên tà đều là trung chánh, không có đạo để tu; sinh tử tức Niết-bàn, không có diệt để chứng. Không khổ, không tập cho nên không có thế gian, không đạo, không diệt cho nên không có xuất thế gian, thuần một thật tướng, ngoài thật tướng không còn có pháp nào riêng khác nữa. Pháp tánh (tịch nhiên) vắng lặng gọi là Chỉ, tịch mà thường chiếu gọi là Quán, tuy nói từ đầu đến cuối mà không hai không khác, ấy gọi là viên đốn Chỉ Quán. Tiệm và bất định nêu ra mà không luận bàn, nay nương vào kinh lại nói rõ viên đốn. Như biểu đạt diệu đức sâu xa. Hiền Thủ nói: Bồ-tát ở nơi sinh tử khi nhất hương mới phát tâm cầu đạo Bồ-đề vững chắc chẳng thể động. Công đức một niệm kia sâu rộng không bờ bến, Đức Như Lai phân biệt nói suốt kiếp cũng không hết, Bồ-tát này nghe, viên pháp khởi, viên tín lập, viên hạnh trụ, viên vị dùng viên công đức để tự trang nghiêm, dùng viên lực dụng kiến lập chúng sinh.

Nghe viên pháp như thế nào, nghe sinh tử tức Pháp thân, phiền não tức Bát-nhã, kết nghiệp tức giải thoát. Tuy có ba tên gọi mà không phải ba thể, chỉ mà một thể mà đặt ba tên gọi, là tướng ba tức một, kỳ thật không có khác nhau. Pháp thân rốt ráo Bát-nhã giải thoát cũng rất

ráo, Bát-nhã thanh tịnh, các thứ khác cũng thanh tịnh. Giải thoát tự tại, các thứ khác cũng tự tại. Nghe tất cả pháp cũng như vậy, đều đầy đủ Phật pháp không có giảm bớt, đó gọi là nghe Viên pháp.

Thế nào là Viên tín? Tin tất cả pháp tức không, tức giả, tức trung, chẳng phải một hai ba mà là một hai ba. Không có một hai ba mà giả (ngăn) một hai ba, mà một hai ba là chiếu, một hai ba không ngăn không chiếu, đều rốt ráo thanh tịnh, tự tại. Nghe sâu thì không sợ nghe rộng thì không nghi, nghe chẳng sâu chẳng rộng thì ý có sức mạnh, đó gọi là Viên tín.

Thế nào là Viên hạnh? Nhất hướng chuyên cầu vô thượng Bồ-đề, ngay nơi biên mà là trung, chẳng thứ hướng chỗ nào khác, tam đế viên tu chẳng gọi là vô biên, Sở tịch hữu biên, sở động, chẳng động chẳng tịch trực nhập Trung đạo, đó gọi là Viên hạnh.

Thế nào là nhập Viên vị? Khi nhập sơ trụ thì một trụ tất cả trụ, tất cả rốt ráo, tất cả thanh tịnh, tất cả tự tại, đó gọi là Viên vị.

Thế nào là Viên tự tại trang nghiêm? Kinh kia có nói rộng về tướng tự tại, hoặc đối với căn này nhập chánh thọ; hoặc đối với căn kia khởi xuất thuyết; hoặc đối với một căn có cả nhập xuất, hoặc đối với một căn không có nhập xuất, mỗi một căn khác còn lại cũng giống như vậy. Hoặc đối với trần này nhập chánh thọ, hoặc đối với trần kia khởi xuất thuyết, hoặc đối với một trần có cả nhập xuất, hoặc đối với một trần không có nhập xuất, ngoài ra mỗi một trần khác cũng giống như vậy. Hoặc đối với phương này nhập chánh thọ, hoặc đối với phương kia khởi xuất thuyết, hoặc đối với một phương có cả nhập xuất, hoặc đối với một phương không có nhập xuất. Hoặc đối với một vật nhập chánh thọ, hoặc đối với một vật khởi xuất thuyết, hoặc đối với một vật có cả nhập xuất, hoặc đối với một vật không có nhập xuất. Nếu nói xác thật thì chỉ là đối với một căn một trần tức nhập tức xuất, tức song nhập xuất, tức không nhập xuất, đối với chánh báo mỗi mỗi tự tại. Đối với y báo cũng như vậy, đó gọi là Viên tự tại trang nghiêm.

Thí như ánh sáng mặt trời chiếu soi khắp bốn châu thiên hạ mà chỗ thì giữa trưa, chỗ thì sáng, chỗ thì chiều tối, chỗ thì nửa đêm, luân hồi bất đồng. Chỉ là một mặt trời mà bốn chỗ thấy khác nhau, Bồ-tát tự tại cũng giống như vậy.

Thế nào là Viên kiến lập chúng sinh? Hoặc phát ra một luồng ánh sáng có thể khiến chúng sinh được lợi ích “tức Không, tức giả, “tức trung”, được cái lợi ích nhập xuất, song nhập xuất, không nhập xuất, trải qua sự đi đứng nằm ngồi, nói năng im lặng, tạo tác cũng như vậy.

Người hữu duyên thì thấy như mắt thấy ánh sáng, người vô duyên thì bất giác như người mù thường tối tăm, cho nên nêu long vương làm ví dụ. Đọc thì khắp sáu tầng trời, ngang thì khắp bốn cõi, nổi các thứ mây, sấm (sét các thứ), chớp lóe các thứ mưa các thứ mưa, rỗng ở trong bốn cung vẫn không chuyển không động, đối với tất cả sự thi thiết đều khác nhau, Bồ-tát cũng giống như vậy, bên trong tự thông đạt tức không, tức giả, tức trung, bất động pháp tánh, mà khiến đạt được các thứ lợi ích, được các thứ dụng, đó gọi là viên lực dụng kiến lập chúng sinh.

Người mới phát tâm còn như vậy huống chi là những người trung tâm, hậu tâm, Đức Như Lai ân cần khen ngợi pháp này, người nghe vui mừng, Thường-đề thỉnh phía Đông, Thiện Tài cầu phía Nam. Bồ-tát Dược Vương đốt cánh tay, Phổ Minh chặt đầu, một ngày ba lần xả, hằng hà sa thân còn không đủ sức báo đáp một câu, huống chi hai vai gánh vác trăm ngàn muôn kiếp, đâu thể báo đáp ân Phật pháp. Một kinh một thuyết như ở đây, các kinh khác cũng vậy.

Có người nghi rằng: Dư Tam-muội nguyện nghe thành chứng, nhưng kinh luận rộng lớn không thể dẫn chứng xác thật được, chỉ lược nêu một hai. Kinh Tịnh Danh chép: Ban đầu ngồi dưới gốc cây hàng phục ma quân, chứng đắc cam lồ thành đạo Chánh giác, ba phen quay chuyển pháp luân nơi Đại thiên thế giới. Pháp luân xưa nay thường thanh tịnh, trời người nhờ đó mà chứng được đạo, Tam bảo nhờ đó mà xuất hiện ở thế gian. Đây tức là sự mở đầu của Tiệm giáo. Lại nói rằng: Đức Phật dùng một âm thanh giảng nói giáo pháp, chúng sinh tùy loại đều được hiểu. Hoặc có sợ hãi, hoặc vui mừng, hoặc sinh tâm nhàm chán xa lìa, hoặc dứt nghi, đây là thần lực bất cộng pháp. Đây là chứng bất định giáo.

Lại nói rằng: Nói pháp không có cũng chẳng không, do nhân duyên nên các pháp sinh, vô ngã, vô tạo, vô thọ giả, nghiệp thiện ác không tiêu mất. Đây là chứng Đốn giáo. Đại phẩm chép: Thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp nói, đây là chứng Tiệm. Lại nói rằng: Dùng các sắc bao bọc hạt châu ma-ni rồi đặt vào trong nước thì nước tùy theo vật mà đổi màu, đây là chứng bất định. Lại nói rằng: Khi mới phát tâm tức ngồi đạo tràng, quay chuyển pháp luân độ chúng sinh, đây là chứng Đốn. Kinh Pháp Hoa chép: Người như vậy nên dùng pháp này để dần nhập vào Phật tuệ, đây là chứng Tiệm. Lại nói rằng: Nếu không tin pháp này, đối với các pháp sâu xa khác mà chỉ dạy làm lợi lạc an vui, đây là chứng Bất định. Lại nói rằng: Chánh trực xả phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, đây là chứng Đốn. Đại kinh chép: Từ bò vắt ra sữa, cho



đến đề hồ, đây là chứng Tiệm. Lại nói rằng: Bỏ chất độc vào trong sữa, thì sữa ấy là chất giết người, cho đến bỏ độc vào trong đề hồ, thì đề hồ ấy là chất giết người, đây là chứng Bất định. Lại nói rằng: “Núi Tuyết có thứ cỏ tên là nhân nhục, nếu bò ăn vào thì được thành đề hồ, đây là chứng Đốn.

Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Phật quay chuyển pháp luân trước hết rưới cho chúng sinh vài giọt nước pháp, gội bớt những bụi bặm tham dục như nhớp, mới mở cửa Niết-bàn, quạt ngọn gió giải thoát thổi lồng lên, xa gần đều được mát mẻ, đuổi tan không khí nóng bức bức bội, dần dần nói nghĩa lý sâu xa của mười hai nhân duyên dùng để rứt ngọn lửa vô minh đang bùng cháy dữ dội, như ánh nắng mặt trời rọi một chỗ, kể là tuôn xối mưa pháp vô thượng Đại thừa, thấm nhuần các chúng sinh khiến họ phát tâm Bồ-đề, đây là chứng Tiệm. Kinh Hoa Nghiêm chép: RỒNG Sa-già-la phun nước mưa như biển, đất khác không chịu nổi. Phật vì người căn tánh bậc thượng mà nói viên mãn Tu-đa-la, hàng Nhị thừa như điếc như câm. Kinh Tịnh Danh chép: Vào rừng Chiêm-bặc không ngửi thấy các mùi hương khác, người vào nhà này chỉ nghe mùi hương công đức của các Đức Phật. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Già muôn thứ hương vô hành viên, nếu đốt một chút nhỏ thì cũng đầy đủ thứ các mùi. Kinh Đại Phẩm chép: Dùng nhất thiết chủng trí biết tất cả pháp, phải học Bát-nhã Ba-la-mật. Kinh Pháp Hoa chép: Tay chấp tâm cung kính, muốn nghe đạo đầy đủ. Đại kinh chép: Thí như có người tắm dưới biển lớn, nên biết người này đã dùng nước của các dòng sông. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như mặt trời phát ra ánh sáng trước chiếu trên đỉnh núi, kể là chiếu các hang núi (u cốc), kể là chiếu xuống đất bằng, đất bằng là bất định, hang cốc là Tiệm, núi cao là Đốn. Từ trước đến nay đều là lời nói thành thật từ miệng vàng (kim khẩu) của bậc Thánh. Pháp mà ba đời Đức Như Lai tôn trọng, quá khứ quá khứ, lâu xa lâu xa, xa tận từ vô thủy; hiện tại hiện tại, vô biên vô tế, vị lai vị lai, xoay vần không cùng tận, như quá khứ hiện tại, vị lai không thể bàn luận, nên biết Chỉ Quán là thầy của các Đức Phật, do pháp thường cho nên các Đức Phật cũng thường, lạc, ngã, tịnh... cũng giống như vậy. Dẫn chứng như vậy lẽ nào lại không tin ư? Đã tin pháp kia thì cần phải biết ba văn, Thứ Đệ Thiên Môn gồm có ba mươi quyển, mười quyển này do ngài Pháp Thân ở chùa Đại Trang Nghiêm ghi chép riêng. Văn bất định như sáu diệu môn, dùng bất định ý trải qua mười hai thiền, chín tướng, tám bối, quán luyện huân tu, nhân duyên lục Độ vô ngại xoay chuyển ngang dọc tự tại. Đây là Trần Thượng Thư ra lệnh Mao Hỷ thỉnh ngài

Trí Giả giảng nói văn này.

Về văn viên đốn, là mười quyển do ngài Quán Đảnh trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu ghi chép. Tuy có ba văn nhưng không được chấp văn mà tự làm hại.

**Luận chép:** Hoặc thấy, hoặc không thấy Bát-nhã đều bị trói buộc, đều được giải thoát. Văn cũng theo thông lệ như vậy.

Có người nghi rằng: Tướng các pháp vắng lặng không thể dùng ngôn ngữ giảng nói. Đại Kinh chép: Đời đời không thể nói, cho đến bất sinh bất sinh không thể nói, hoặc thông, hoặc biệt, đường ngôn ngữ bật, không năng thuyết, không sở thuyết. Thân Tử nói: Ta nghe trong giải thoát không có ngôn thuyết, cho nên ta đối với điều này không biết làm thế nào. Kinh Tịnh Danh chép: Pháp sở thuyết kia, là không có nói, không có chỉ bày, đối với người nghe pháp kia không có nghe, không có đắc, người ấy không thể nói pháp này là không thể nói, mà nói là chỉ bày cho người, nhưng chỉ dẫn một bên không thấy hai điều kia. Đại Kinh chép: Có nhân duyên cho nên cũng có thể được nói. Pháp Hoa chép: Dùng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên nói cho chúng sinh nghe, lại chép: Dùng năng lực phương tiện cho nên vì năm Tỳ-kheo mà nói, hoặc Thông hoặc Biệt đều có thể được nói. Đại Kinh chép: Người có mắt nói cho người mù nghe, đây chỉ cho chân đế có thể nói. Kinh Thiên Vương Bát-nhã chép: Tổng trì không có văn tự, văn tự hiển bày tổng trì, đây chỉ cho tục đế có thể nói. Lại nữa, Đức Như Lai thường nương vào nhị đế để nói pháp. Kinh Tịnh Danh chép: Văn tự tánh là tức là giải thoát, ngay nơi nói là không nói. Đại Kinh chép: Nếu biết Như Lai thường không nói pháp ấy tức là học rộng, đây chỉ cho không nói mà là nói. Kinh Tư Ích chép: Đức Phật và đệ tử thường thực hành hai việc: Hoặc nói, hoặc im lặng. Kinh Pháp Hoa chép: Đứng ngồi lui tới đều giảng nói pháp mâu tuôn chảy như mưa lớn. Lại chép rằng: Nếu muốn cầu Phật đạo phải thường theo người học rộng, bậc Thiện tri thức là nhân duyên lớn, đó là giáo hóa, dẫn dắt giúp cho được thấy đạo. Đại Kinh chép: Mây sấm giữa hư không sinh hoa trên ngà voi, nay cũng như thế, một bề không nói; hoặc tranh luận nói hay im lặng, không hiểu ý giáo thì cách lý càng xa, là nói không có lý, là lý không có nói, tức nói mà không nói, không nói tức là nói, không hai không khác, ngay nơi sự mà chân, lòng đại bi thương xót tất cả vô văn, như mặt trăng ẩn khuất sau núi, gió sinh trường thái hư động chuyển, cây chuyển động theo. Nay ý người chậm lụt quan sát kỹ lưỡng sâu xa thì khó. Mắt nương sắc nhập vào giả, văn thì dễ, nếu văn dồi dào là hại, nên biết văn chẳng

phải văn, thông đạt tất cả văn chẳng phải văn chẳng phải không phải văn, có thể đối với một văn mà có thể hiểu được tất cả, chính là nghĩa này, dùng ba thứ văn làm thành một môn. Đã nói lược phần duyên khởi xong.

Nay sẽ khai thành mười chương: 1. Đại ý; 2. Thích danh; 3. Thể tướng; 4. Nhiếp pháp; 5. Thiên viên; 6. Phương tiện; 7. Chánh quán; 8. Quả báo; 9. Khởi giáo; 10. Chỉ quy. Mười là phương pháp đếm số, không nhiều không ít.

Trước hết là nêu kỳ hạn ngắn gọn, cuối cùng thì quy về tông đến cùng cực. Từ đầu đến cuối tổng kết trong mười chương.

Sinh khởi, chỉ là có thứ lớp mười chương, chí lý vắng lặng, vô sinh vô diệt, vô sinh là vô khởi, vô khởi là có nhân duyên cho nên mười chương thông là sinh khởi biệt, luận riêng chương trước là sinh, chương kế là khởi, duyên do thứ lớp cũng giống như vậy. Cái gọi là rằng do si hoặc che lấp từ vô lượng kiếp không biết vô minh tức là minh, nay khai giác cái đó cho nên nói đại ý, đã biết vô minh tức là minh không còn lưu chuyển, cho nên gọi là chỉ, trong sáng thanh tịnh gọi là Quán. Đã nghe danh được thể, thể tức là nhiếp pháp, thuộc về thiên viên, dùng thiên viên giải khởi đối với phương tiện, phương tiện đã lập chánh quán liền thành, thành chánh quán tức là đã đạt được quả báo nhiệm mầu, từ khi tự mình đắc pháp khởi giáo dạy người, mình và người đều an vui, đồng quy về cõi thường tịch. Do vì không thông đạt vô sinh vô khởi, cho nên sinh khởi, đã hiểu rõ vô sinh vô khởi, tâm hành tịch diệt, đường ngôn ngữ dứt, tịch nhiên thanh tịnh.

Về phân biệt, công đức của mười chương như báu ở trong đẫy, không lấy ra chỉ cho người thì người không thấy. Nay mười chương bao nhiêu chân bao nhiêu tục, bao nhiêu phi chân, phi tục, bao nhiêu Thánh nói, Thánh im lặng, chẳng nói, chẳng im lặng, bao nhiêu định, bao nhiêu tuệ, bao nhiêu chẳng phải định tuệ, bao nhiêu mắt chân, bao nhiêu chẳng phải mắt chân, bao nhiêu nhân quả, bao nhiêu chẳng phải nhân quả, bao nhiêu tự tha, chẳng phải tự tha, bao nhiêu cộng, bất cộng, chẳng phải cộng, chẳng phải bất cộng, bao nhiêu thông biệt, chẳng thông biệt, bao nhiêu rộng lược, chẳng phải rộng lược, bao nhiêu ngang dọc, chẳng phải ngang dọc. Các thứ như vậy nên tự tại mà hỏi.

Tám chương đầu ngay nơi tục là chân, một chương quả báo ngay nơi chân là tục, chương chỉ quy chẳng phải chân chẳng phải tục. Chương chánh quán Thánh im lặng, ngoài ra tám chương Thánh nói, chương chỉ quy chẳng phải nói, chẳng phải im lặng, chánh quán một phần là định,

tám chương còn lại một phần là tuệ, chương “Chỉ qui” chẳng phải định chẳng phải tuệ. Từ chương “Đại ý” cho đến chương “Chánh quán” là nhân. Chương quả báo là quả, chương chỉ quy chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Tám chương trước tự tu hành phát khởi và giáo hóa người, chương chỉ quy chẳng phải tự tha chẳng phải tha. Đại ý đến khởi giáo là mắt, phương tiện đến quả báo là chân, chỉ quy chẳng phải mắt, chẳng phải chân. Đại ý đến chánh quán là chung, quả báo khởi giáo khác nhau, chỉ quy chẳng phải chung, chẳng phải không chung. Chương đại ý là thông, tám chương là biệt, chỉ quy chẳng thông, chẳng biệt. Đại ý lược tám chương là rộng, chỉ quy chẳng rộng chẳng lược. Chương thể tướng là dọc, tám chương khác là ngang, chỉ quy là chẳng ngang, chẳng dọc.

Về Liệu giản, hỏi rằng: Lược chỉ ra đại ý, đồng khác như thế nào?

Đáp: Thông thì tên khác ý đồng, biệt thì lược chỉ ba môn, đại ý ở nơi nhất đốn.

Hỏi: Y cứ Hiển giáo mà luận về hiển quán, thì cũng nên y cứ vào bí giáo luận về Mật quán sao? Đáp: Đã phân chia hiển bí, nay chỉ nói hiển, không nói bí.

Hỏi: Phân môn có thể như vậy mà tùy ý luận bàn được không?

Đáp: Có khi được có khi không được. Giáo là lời nói của bậc Thánh bên trên gia bị cho kẻ dưới, Thánh có thể hiển hay bí, cả hai đều thuyết, hễ là người giảng nói chỉ có thể truyền hiển, không thể truyền bí, người nghe nhân đâu mà thực hành quán. Trường hợp được là người đạt quả vị sáu căn thanh tịnh thì có thể dùng một âm thanh nhiệm mầu trùm khắp ba ngàn cõi, tùy ý tất cả mọi nơi có thể đến thì có thể truyền bí giáo. Nếu người tu quán phát tâm tu hiển pháp, không phát thì không tu. Người phát túc tập (thói quen từ đời trước) thì được luận về mật quán.

Hỏi: Trước cạn sau sâu là tiệm quán, trước sâu sau cạn là quán tướng gì? Đáp: Là bất định quán.

Hỏi: Từ đầu đến cuối đều cạn là quán tướng gì? Đáp: Ý nghĩa của Tiểu thừa chẳng phải tướng ba thứ Chỉ Quán.

Hỏi: Tiểu thừa cũng do Phật nói. Vì sao ý nói chẳng phải, nếu nói chẳng phải không lẽ nói tiệm. Đáp: Đã chia ra Tiểu thừa, Đại thừa, Tiểu thừa chẳng phải luận, nay nói tiệm là từ chỗ vi tế đến chỗ rõ ràng, (tòng vi trí trứ) mà gọi là Tiệm! Tiểu thừa từ đầu đến cuối đều không biết thật tướng, cho nên chẳng phải tiệm ở đây nói.

Hỏi: Nêu bày ba văn: Văn là sắc, sắc là môn hay chẳng phải môn? Nếu sắc là môn thì sắc là thật tướng, làm sao thông, nếu chẳng

phải môn, vì sao lại nói một sắc một hương đều là Trung đạo ư? Đáp: Văn môn đều là thật tướng, do chúng sinh thường hay điên đảo cho nên dùng văn để chỉ bày, tức nơi văn mà biết rõ văn chẳng phải văn, chẳng phải văn, chẳng phải không phải văn. Văn là môn kia đối với môn mà chứng đắc thật tướng, văn là môn kia, môn đầy đủ tất cả pháp, tức môn, tức chẳng phải môn, tức chẳng phải môn chẳng phải không phải môn.

**Giải thích:** Là giải thích mười chương, trước hết giải thích đại ý, là tổng quát từ đầu đến cuối, ý rộng khó thấy biết, nay tóm lược làm năm: Nghĩa là phát đại tâm, tụ đại hạnh, cảm đại quả, nêu đại cương, quy Đại sư.

Thế nào là phát đại tâm? Do chúng sinh mê muội điên đảo không tự hiểu biết, nên khuyên bảo giúp họ tỉnh ngộ, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh. Thế nào là đại hạnh? Lại phát tâm mong cầu không gì lay chuyển, không bao giờ thối đạt kỳ hạn, khuyên gắng sức tinh tấn thực hành bốn thứ Tam-muội. Thế nào là cảm đại quả? Tuy không cầu Phạm thiên mà Phạm thiên tự ứng, khen ngợi quả báo nhiệm mầu làm cho tâm kia an vui tự tại. Thế nào là nêu đại cương? Các thứ kinh luận khai thông trí tuệ cho người, nhưng chấp bên này, nghi bên kia là một chẳng phải nhiều, nghe tuyệt cho là băng, cho đến nghe chim hạc cho là động chuyển, nay thông dung kinh luận giải kết vượt ngoài sự hạn chế. Thế nào là quy Đại sư? Pháp không có thỉ chung, không có thông bít, nếu biết pháp giới, pháp giới vô thỉ chung, vô thông bít, bỗng nhiên bừng sáng vô ngại tự tại.

Sinh khởi có năm là lược, hiển có mười là rộng v.v... y cứ vào sự phát tâm lại chia làm ba: 1. Phương tín; 2. Giải phi; 3. Hiển thị. Bồ-đề là tiếng Thiên Trúc, Hán dịch là Đạo, Chất-đa là tiếng Thiên Trúc, Hán dịch là Tâm, tức tâm tư duy hiểu biết. Thiên Trúc còn gọi là Ô-dật-đa, Hán dịch là tâm, chỉ cái cốt lõi tinh yếu chứa nhóm được. Nay nói giản phi là tâm chọn lựa chứa nhóm loài cây cỏ, v.v...

Tâm chuyên suy nghĩ. Đạo cũng có thông, có biệt, nay cũng giản lược chia làm mười: Nếu tâm kia niệm niệm chuyên tham sân si, luân tập khó bỏ, có bỏ cũng không dễ gì, ngày tháng thêm nhiều, khởi thượng phẩm thập ác, như năm thứ Phiến-đê-la, hạng người này phát tâm địa ngục, đi vào đường hỏa đồ. Hoặc tâm niệm ưa thích nhiều quyền thuộc như biển trâu tóm các dòng, như lửa đốt cháy củi, thì sinh trung phẩm thập ác, như Điều-đạt dụ dỗ Tăng chúng, đây là phát tâm súc sinh, đi vào đường huyết đồ. Hoặc tâm niệm ham muốn được danh tiếng, vang khắp bốn phương tám hướng, khen ngợi ca tụng, mà thật chất bên trong

không có gì, chỉ rỗng không, làm sao sánh với Thánh hiền thì sinh hạ phẩm thấp ác, như Ma-kiền-đề sinh tâm quý, đi vào đường đao đồ. Hoặc tâm niệm thường muốn hơn người khác không nhịn nhục chịu hạ mình, khinh thường người, coi trọng mình, như chim ác bay cao nhìn xuống, mà bên ngoài tỏ bày nhân nghĩa lễ trí tín, thì sinh hạ phẩm thiện tâm, đi vào đường A-tu-la. Hoặc tâm niệm ưa thích thú vui của thế gian, an phận với thân hình hôi thối, vui với tâm si hận, thì sinh trung phẩm thiện tâm, đi vào đường người. Hoặc tâm niệm biết ba đường ác khổ rất nhiều, khổ vui của nhân gian đua tranh lẫn nhau, cõi trời hoàn toàn vui, vì cái vui ở cõi trời có quan hệ với sáu căn không ngoài sáu trần, thì sinh thượng phẩm thiện tâm, đi vào đường trời. Hoặc tâm niệm muốn được oai thế lớn, thân miệng vừa mới tạo tác thì tất cả phụ theo, thì sinh tâm làm chủ cõi Dục đi vào đường ma-la. Hoặc tâm niệm muốn được trí tuệ lợi ích biện tài, thông minh hiền triết, xem xét thấu đạt sáu hợp, mười phương rõ ràng, thì sinh tâm thế trí, thực hành đạo Ni-kiền. Hoặc tâm niệm niệm năm trần sáu dục, sự dục lạc bên ngoài sâu kín vi tế, vui Tam thiên như sỏi đá, sự vui kia chồng chất bên trong, thì sinh tâm phạm hạnh, đi vào đường Sắc, Vô sắc. Hoặc tâm niệm niệm biết thiện ác xoay vần, phàm phu đắm mê tửu sắc hiền Thánh quả trách, phá ác do tịnh tuệ, tịnh tuệ do tịnh thiền, tịnh thiền do tịnh giới, chuộng ba pháp này như đói khát, thì sinh tâm vô lậu, đi vào đường Nhị thừa, hoặc tâm hoặc đường kia chẳng phải nhiều lắm, lược nói mười thứ thôi! Hoặc khai trên hợp dưới, hoặc khai dưới hợp trên, khiến cho mười phương đầy đủ mà thôi!

Nêu một thứ là nói nguyên nhân mở đầu, cái nào mạnh thì lôi trước. Như luận chép: Tâm phá giới đọa vào địa ngục, tâm san tham đọa vào ngạ quỷ, tâm không biết hổ thẹn đọa vào súc sinh, tức là nghĩa này. Hoặc trước khởi tâm sai trái, hoặc trước khởi tâm phải đúng, hoặc đúng sai đều khởi, thí như voi, cá, gió đều làm đục nước ao. Voi dụ bên ngoài, cá dụ bên trong, gió dụ cho đều sinh khởi, lại voi là dụ các điều sai trái từ bên ngoài mà khởi, cá là dụ bên trong quán sự yếu đuối làm hai bên chuyển động, gió là dụ trong ngoài tạp uế cấu bẩn hòa hợp. Lại chín thứ là sinh tử như tầm tự trôi buộc, một thứ sau là Niết-bàn như nai khỉ chạy nhảy, tuy đã tự thoát nhưng chưa đầy đủ Phật pháp, đều là trái cho nên chọn cả hai. Chín thứ trước là thế gian bất động bất xuất, một thứ sau tuy xuất mà không có đại bi đều chẳng đúng, nên bỏ cả hai. Hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, thiện ác nhiễm tịnh, buộc thoát chân tục... các pháp môn cũng giống như vậy. Lại chín pháp là căn cứ vào khổ để thế

gian, một pháp sau chẳng phải khổ đế, khúc chiết vụng về, gằn gỏi thân thiết, cho nên cả hai chẳng đúng, đều phải bỏ. Kế là hữu vi vô vi, căn cứ tập đế, một thứ sau chẳng phải tập đế, tuy chẳng phải tập đế nhưng do khúc chiết vụng về, gằn gỏi thân thiết nên phải bỏ cả hai. Kế đến thiện ác nhiễm tịnh là y cứ theo đạo đế, một thứ sau là đạo đế, tuy là đạo đế cũng phải bỏ như trước. Kế là buộc thoát chân tục y cứ vào diệt đế, một thứ sau tuy là diệt đế cũng phải bỏ như trước. Nếu hiểu được ý này, trải qua tất cả căn trần, ba nghiệp bốn nghi, sinh tâm động niệm, đều quán sát đây, chớ để cho tâm ô nhiễm sinh khởi. Dù khởi mau diệt như người có mắt sáng có thể tránh đường hiểm ác, ở đời có người thông minh thì dứt bỏ các điều ác, hành giả sơ tâm nếu thấy ý này rất là thế gian mà vẫn nường tựa.

Hỏi: Hành giả tự phát tâm hay người khác dạy phát tâm ư? Đáp: Mình và người cùng lia, đều không thật có, chỉ là do cảm ứng đạo giao mà nói về phát tâm đó thôi! Như con rơi vào nước lửa thì cha mẹ tìm bới để cứu cho bằng được.

Kinh Tịnh Danh chép: Người con kia mắc bệnh, cha mẹ cũng bệnh theo. Đại kinh chép: Cha mẹ đối với bệnh của con thì tâm rất chú trọng lo lắng, lay động núi pháp tánh, nhập vào biển sinh tử, cho nên có bệnh hạnh, anh nhi hạnh, đó gọi là cảm ứng phát tâm. Thiên Kinh chép: Đức Phật dùng bốn Tùy để nói pháp đó là: Tùy lạc, tùy nghi, tùy trị, tùy nghĩa, vừa giúp cho ý kia nói, tâm kia vui, hỗ trợ cho sự huân tập đời trước, khiến dễ thọ hành, xem bệnh nặng nhẹ để cho thuốc nhiều ít, khi căn cơ đạo pháp thuần thực thì nghe liền ngộ đạo, đâu chẳng phải tùy căn cơ cảm ứng lợi ích. Luận Trí Độ nói bốn Tất-đàn, thế gian gián cách gọi là thế giới Tất-đàn, tùy theo kia có khả năng gọi là vị nhân Tất-đàn, hai thứ Tất-đàn đồng với bốn tùy, cũng là ý cảm ứng, lại dẫn năm lần lại nữa trong luận: 1. Nói về các hạnh Bồ-tát, nói kinh Bát-nhã ba-la-mật. 2. Khiến Bồ-tát tăng thêm Tam-muội niệm Phật. 3. Nói tướng mạo của bậc Bạt trí. 4. Nhổ sạch gốc rễ tà ác của đệ tử. 5. Nói Đệ nhất nghĩa, nói kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Năm lần lại nữa này cùng với bốn tùy, bốn tất đề không khác, lại đồng với năm nhân duyên. Hoặc không tùy cơ xúc não người khác, nói đối với kia không có lợi ích, hoặc mưa đại bi thấm nhuần muôn vật. Luận nói rằng: Pháp chân chánh cho đến người nói, chúng nghe khó được, như vậy thì sinh tử chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, thật tướng chẳng khó chẳng dễ, chẳng có chẳng không, đây gọi là chân pháp, có thể nói nghe như ở đây gọi là nói nghe chân thật. Có ba thứ Tất-đàn gọi là hữu biên, Đệ

nhất nghĩa gọi là phi hữu biên, phi vô biên, cho nên biết duyên khởi có thể hiểu rõ Đại sự là ý cảm ứng. Nhưng bốn tùy, bốn tất, năm duyên tên tuy khác nhưng ý đồng. Nay nói bốn tùy là đại bi ứng lợi ích, Tất-đàn là lân mẫn thi thiết cùng khắp, do hai bên có khác đó thôi! Nói nhân duyên là hoặc nhân nơi Thánh, duyên nơi Phạm, hoặc nhân nơi Phạm, duyên nơi Thánh, thì đường cảm ứng giao nhau. Nên biết ba pháp lời nói ý nghĩa phù hợp nhau thì ý đồng, tùy sự ham muốn an vui thiên về ngôn ngữ để tu nhân, thế giới thiên về ngôn ngữ mà chịu báo cách nhau, do nhân quả khác nhau đó thôi!

Tiện nghi thì chọn lựa pháp thích nghi với người, vì người là xem xét pháp thích hợp với người, đây là do sự vui mừng đến khác nhau. Lại nữa, năm nhân duyên, vì chúng sinh tin ưa là nhân nên Phật nói một pháp tất cả pháp, là tâm đại Bồ-đề, đối với kinh là ưa muốn, với luận là thế giới, chúng sinh có đại tinh tấn mạnh mẽ nên Phật nói một hạnh tất cả hạnh, thì bốn thứ Tam-muội đối với kinh là tiện nghi, với luận là vị nhân. Chúng sinh có đại bi bình đẳng làm nhân, chiêu cảm Phật nói một pháp tất cả pháp, đạt được quả báo tốt đẹp và thông hiểu kinh luận, đối với kinh luận đều là đối trị. Chúng sinh có con mắt trí tuệ như Phật, làm nhân chiêu cảm quả Phật nói một rốt ráo, tất cả rốt ráo, được nói chỉ quy về vắng lặng, đối với kinh luận đều là Đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, năm duyên, năm lần lại nữa, tâm Bồ-đề là gốc của các hạnh, luận nêu các hạnh do nhánh và gốc khác nhau đó thôi! Bốn Tam-muội là thông tu, niệm Phật là biệt tu, bởi thông biệt có khác nhau. Thắng báo nói đầy đủ, y báo chánh báo, tập quả báo quả, bậc Bạt trí thiên nêu về tướng tập quả nhập vị, vì song và một là khác. Trừ kinh luận nghi trệ, kinh luận là chỗ sinh khởi nghi chấp, cứu đệ tử ra khỏi tà ác là khởi sự hơn người, người và xứ khác nhau đó thôi! Bốn mặt cứu cánh đẳng và Đệ nhất nghĩa tên đồng dễ thấy, sở dĩ không khác là vì nghĩa đồng. Lại nữa, Thánh nói nhiều mối, hoặc nói có thứ lớp, hoặc nói không thứ lớp, hoặc nói đầy đủ, hoặc nói không đầy đủ, hoặc nói không lẫn lộn, hoặc nói không lẫn lộn, chúng sinh thọ nhận sự lợi ích khác nhau, hoặc lợi ích có thứ lớp, hoặc không có thứ lớp, hoặc lợi ích đầy đủ, hoặc không đầy đủ; hoặc lợi ích lẫn lộn, hoặc không lẫn lộn; hoặc bốn Tất-đàn thành năm duyên, năm duyên thành bốn Tất-đàn, hoặc bốn Tất-đàn một nhân duyên, một nhân duyên thành một tất, hoặc mỗi nhân duyên đều đủ bốn tất, bốn tất đầy đủ năm duyên, như vậy... các thứ thành tựu hiển bày lẫn nhau, lại dùng ba Chỉ Quán kết buộc, có thể dùng ý để biết. Lại dùng một Chỉ Quán để kết, phát tâm Bồ-đề tức



là quán, dứt tâm tà vọng tức là chỉ, lại năm chương là lược, còn mười chương là rộng. Năm chương đầu chỉ là một ý phát tâm Bồ-đề đó thôi! Phương tiện, chánh quán chỉ là bốn Tam-muội. Một chương quả báo là nói về sự nghịch thuận, nghịch tức là quả báo hai bên, thuận tức quả báo tốt đẹp cao quý. Một chương khởi giáo là xoay chuyển tự tâm làm lợi ích cho người khác, hoặc làm thân Phật lập bày quyền thật, hoặc làm hình tượng trong chín cõi, khen ngợi tiêm đốn, chuyển tiêm đốn, mở rộng tiêm đốn. Chương chỉ quy là đồng quy đại xứ, trong bí mật tạng cho nên biết lược rộng ý đồng.

Hiển lại chia làm ba: 1. Tứ đế; 2. Bốn hoàng; 3. Sáu tức. Danh tướng Tứ đế vượt ngoài phẩm Thánh Hạnh của đại kinh, đó là sinh diệt, vô sinh diệt, vô lượng, vô tác. Sinh diệt: Khổ tập là nhân quả thế gian, đạo diệt là nhân quả xuất thế gian. Khổ thì ba tướng đời đời, tập thì bốn tâm trôi chảy, đạo thì đối trị dễ đoạt, diệt thì diệt hữu lại vô. Dù thế gian hay xuất thế gian cũng đều biến đổi, cho nên gọi là sinh diệt Tứ đế. Vô sinh: Khổ không bức bách tất cả đều không, há hữu không có thể bỏ không, ngay nơi sắc là không, thọ tưởng hành thức cũng giống như vậy, cho nên không có sự bức bách. Tập không có tướng hòa hợp; nhân quả đều không, há có nhân không và quả không hợp nhau, trải qua tất cả tham sân si cũng giống như vậy. Đạo không có hai tướng, không có năng trị sở trị, không còn không có một, làm sao có hai ư? Pháp vốn không như vậy thì không diệt, bất nhiên bất diệt nên gọi là vô sinh Tứ đế. Vô lượng là phân biệt so sánh khổ có vô lượng tướng, nghĩa là một pháp giới khổ còn có bao nhiêu, hướng chi mười pháp giới thì có biết bao nhiêu, hàng Nhị thừa hoặc trí hoặc nhãn chẳng thể thấy biết, chính là hàng Bồ-tát mới hiểu biết được, nghĩa là địa ngục có nhiều sự khác nhau, cất chẻ nấu nướng thiêu đốt còn lại bao nhiêu thứ không thể kể hết, hướng chi trong các cõi khác có bao nhiêu sắc, bao nhiêu thọ tưởng hành thức, cát bụi sông biển đâu có cùng tận, cho nên Nhị thừa chẳng thấy biết được, mắt trí của Bồ-tát mới thông suốt được. Lại tập có vô lượng tướng, đó là tham dục, sân, si các thứ tâm, các thứ thân miệng, tập nghiệp bao nhiêu, thân công thì bóng vẹo, tiếng ồn thì âm hỗn tạp, Bồ-tát chiếu soi không lầm lẫn. Lại đạo có vô lượng tướng, nghĩa là phân tích thân thể vụng về khéo léo, phương tiện cong thẳng, dài ngắn quyền thật, Bồ-tát hiểu rõ không lầm lộn, lại diệt có vô lượng tướng, phương tiện như vậy làm diệt kiến đế, phương tiện như vậy làm diệt tư duy, mỗi thứ có bao nhiêu chánh trợ, Bồ-tát thông suốt không một mảy may sai khác. Lại phương tiện tức không bao nhiêu chánh trợ, bao nhiêu

đều không. Tuy không bao nhiêu mà phân biệt bao nhiêu không lầm không loạn. Lại phương tiện như vậy có thể phân tích diệt trừ tứ trí. Lại phương tiện như vậy có công năng thể nhận diệt trừ tứ trí, phương tiện như vậy diệt được trần sa, phương tiện như vậy diệt được vô minh, dù bao nhiêu thứ kia cũng không xen lẫn. Lại ba thứ Tất-đàn phân biệt cho nên có bao nhiêu, Đệ nhất nghĩa Tất-đàn thì không bao nhiêu, tuy không bao nhiêu theo số nhiều mà luận cho nên nói bao nhiêu, gọi là Vô lượng Tứ đế.

Vô tác Tứ đế: Đều là thật tướng không thể suy nghĩ bàn luận, chẳng phải chỉ Đệ nhất nghĩa đế không còn bao nhiêu, hoặc ba Tất-đàn và tất cả pháp không còn bao nhiêu, nghĩa đây có thể biết không ghi chép lại. Hoặc dùng Tứ đế đối thẳng với các cõi có thêm có bớt. Đồng cư có bốn, phương tiện thì ba, thật báo thì hai, Tịch Quang chỉ có một. Nếu đối bề ngang thì đồng cư sinh diệt, phương tiện vô sinh diệt, thật báo vô lượng. Tịch Quang vô tác v.v... lại gọi chung là Tứ đế, gọi riêng là Thập nhị nhân duyên. Khổ gồm bảy chi: Khổ thức, danh sắc sáu nhập, xúc, thọ, sinh, già chết. Tập gồm năm chi: vô minh, hành, ái, thủ, hữu. Đạo là phương tiện nhân duyên đối trị, diệt là vô minh diệt, cho đến già chết diệt, cho nên Đại kinh khai bốn thứ Tứ đế, cũng khai bốn thứ Thập nhị nhân duyên, hạng hạ trí quán xét cho nên chứng đắc Thanh văn Bồ-đề, hạng trung trí quán cho nên chứng đắc Duyên giác Bồ-đề, hạng thượng trí quán cho nên chứng đắc Bồ-tát Bồ-đề, bậc thượng thượng trí quán cho nên chứng đắc Phật Bồ-đề. Lại nữa, bài kệ Trung luận chép: “Pháp do nhân duyên sinh, tức là sinh diệt, ta nói tức là không, là vô sinh diệt, cũng gọi giả danh, là vô lượng, cũng gọi là nghĩa Trung đạo, là vô tác”. Lại giải thích rằng: Nhân duyên tức là Tập, sở sinh tức là Khổ, phương tiện diệt khổ là Đạo, khổ tập tận là Diệt. Lại kệ nói: Nhân duyên, nhân duyên tức vô minh, pháp sở sinh tức hành, danh sắc, sáu nhập, v.v... Cho nên văn nói: Vì đệ tử lợi căn nói tướng Thập nhị nhân duyên bất sinh bất diệt, chỉ cho hai mươi lăm phẩm trước, vì đệ tử độn căn, nói tướng Thập nhị nhân duyên sinh diệt, chỉ cho hai phẩm sau. Nên biết luận kệ nói chung tức bốn loại Tứ đế, nói riêng tức bốn thứ Thập nhị nhân duyên. Đã phân biệt bốn loại Tứ đế đã xong, các kinh nói rõ các thứ phát tâm Bồ-đề. Hoặc nói suy tìm các lý phát tâm Bồ-đề, hoặc thấy các tướng Phật phát tâm Bồ-đề, hoặc thấy các thần thông, hoặc nghe các pháp, hoặc dạo chơi các cõi, hoặc thấy các chúng, hoặc thấy tu các hạnh, hoặc thấy các pháp diệt, hoặc thấy các lỗi lầm, hoặc thấy người chịu các khổ mà phát tâm Bồ-đề, lược

nêu mười thứ làm đầu nói rộng, v.v....

Suy lý phát tâm: Pháp tánh vốn sẵn có của con người thì như vậy, Tập không làm nhiễm ô, Khổ không thể xúc não, Đạo không thể thông, diệt không thể tịnh, như mây che ánh trăng nhưng không thể làm hại trăng dứt trừ phiền não rồi thì mới , tự thấy được pháp tánh. Kinh dạy: Diệt chẳng phải chân đế, nhân diệt hợp với chân, diệt mà còn chẳng phải chân, thì ba đế cũng vậy. Trong phiền não không có Bồ-đề, trong Bồ-đề không có phiền não, đó gọi là suy tìm sinh diệt Tứ đế, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh, phát tâm Bồ-đề. Suy tìm vô sinh Tứ đế, mà phát tâm Bồ-đề, Pháp tánh không khác khổ tập, chỉ mê khổ tập mất pháp tánh, như nước kết thành băng, không có băng riêng. Thấu đạt Khổ Tập vô khổ tập thì hợp với pháp tánh, khổ tập còn như vậy hưởng gì đạo diệt. Kinh dạy: Phiền não tức Bồ-đề, Bồ-đề tức phiền não, đó gọi là suy tìm vô sinh Tứ đế, thượng cầu hạ hóa, phát tâm Bồ-đề. Suy tìm vô lượng. Xét pháp tánh ấy gọi là thật tướng, còn chẳng phải cảnh giới của hàng Nhị thừa, hưởng chi là phàm phu, vượt ngoài hai bên mà bày tỏ riêng có tịnh pháp riêng, như mười ví dụ trong Kinh Phật Tạng, v.v... đó gọi là suy tìm vô lượng Tứ đế, thượng cầu hạ hóa, mà phát tâm Bồ-đề. Suy tìm vô tác: Pháp tánh và tất cả pháp không hai không khác, pháp phàm phu còn như vậy hưởng chi là Nhị thừa! Là pháp phàm phu lại cầu thật tướng, như tránh không ở chỗ này, tìm không ở chỗ kia, tức pháp phàm phu là thật tướng, không cần phải bỏ phàm mà hưởng Thánh. Kinh dạy: Sinh tử: Sinh tử tức Niết-bàn, một sắc một hương đều là Trung đạo, đó gọi là suy tìm Vô tác Tứ đế, thượng cầu hạ hóa, phát tâm Bồ-đề. Nếu suy tìm một pháp tức là thông suốt pháp giới, đạt đến cùng nguồn tốt đáy, rốt ráo ngang dọc, sự lý đầy đủ, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh, đầy đủ trong đó, mới gọi là phát tâm Bồ-đề. Bồ-đề gọi Đạo, Đạo năng thông đến bờ bên kia, ngang dọc, gọi là phát tâm ba-la-mật, cho nên đối với sự suy tìm lý tạo tác cạn sâu sự lý cùng khắp. Đoạn dưới mỗi pháp theo lệ như vậy.